



HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Name:

Class:

Date:

I. Vocabulary:

1. Kind: tốt bụng	2. Clever: thông minh	3. Short: thấp, lùn	4. Fat: béo

II. Structure:

I'm clever.

He's short.

She's kind.

WORKSHEET

1. Listen and tick (Nghe và đánh dấu ✓ vào bức tranh đúng)

1. ☐	2. ☐	3. ☐
4. ☐	5. ☐	6. ☐

HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Add 1: số 17A – Lô 2 – Dền Lũ 2

Add 2: 36B – Lô 2 – Dền Lũ 2

Phone: 083.972.8688/ 0976.420.688

Fanpage: <https://www.facebook.com/co.huong.den.lu>

LIVEWORKSHEETS

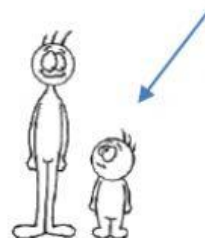
EXERCISE 2: Look and choose the correct word (*Nhìn tranh và chọn đáp án đúng*)

1. 	fat	short	tall
2. 	mean	kind	sad
3. 	tall	short	fat
4. 	mean	fat	clever

EXERCISE 3: Look and find the words at the wordsearch (*Nhìn, tìm từ tương ứng tranh*)



L	E	T	T	D	O	H	S
L	L	A	A	T	F	A	F
E	F	L	F	A	T	T	A
T	C	L	E	V	E	R	I
R	S	H	O	R	I	O	D
A	T	A	I	L	F	M	N
H	C	L	E	V	A	R	I
S	H	O	R	T	A	L	K



EXERCISE 4: Match (Nối tranh với từ đúng)



Fat

Clever

Tall

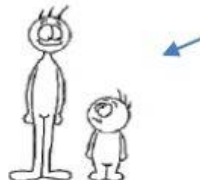
Short

Kind

EXERCISE 5: Reorder the words: (sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa)

nkid	1.	reevcl	2.
tfa	3.	rsoht	4.

EXERCISE 6: Look and answer the questions(Nhìn tranh và trả lời câu hỏi)

	1. I		2. She
	3. He.....		4. He.....

HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯƠNG

Add 1: số 17A – Lô 2 – Đền Lũ 2

Add 2: 36B – Lô 2 – Đền Lũ 2

Phone: 083.972.8688/ 0976.420.688

Fanpage: <https://www.facebook.com/co.huong.den.lu>

LIVEWORKSHEETS